

Số: 675 /KH-UBND

Bắc Giang, ngày 25 tháng 3 năm 2013

## KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ  
SỞ Y TẾ BẮC GIANG nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030

ĐẾN Số:.....  
Ngày:.....

Chuyên:.....

Lưu hồ sơ:.....

Thực hiện Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 10/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030; UBND tỉnh Bắc Giang xây dựng kế hoạch thực hiện như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Quán triệt, triển khai cụ thể hóa những nội dung cơ bản của Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030 vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, để đáp ứng yêu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân trong tình hình mới.

- Xác định mục tiêu, các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu cho giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, cũng như những nhu cầu thực tế đặt ra trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân.

- Xác định rõ trách nhiệm đầu mối, phối hợp của các cấp, các ngành trong từng hoạt động, từng lĩnh vực cụ thể để hiện thực hoá các mục tiêu của Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030. Các cấp thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện kế hoạch.

### II. MỤC TIÊU

#### 1. Mục tiêu chung

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống y tế tỉnh Bắc Giang theo định hướng công bằng, từng bước hiện đại, hiệu quả và phát triển; bảo đảm mọi người dân được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ ban đầu, mở rộng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng. Người dân được sống trong cộng đồng an toàn, phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật và tử vong, nâng cao sức khoẻ, tăng tuổi thọ, cải thiện chất lượng dân số góp phần vào cải thiện chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

## 2. Mục tiêu cụ thể

- Giảm tỷ lệ mắc bệnh, tử vong và tàn tật; khống chế các bệnh truyền nhiễm, các bệnh gây dịch thường gặp và mới xuất hiện; chủ động trong phòng chống dịch bệnh, giám sát dịch tễ chặt chẽ, phản ứng nhanh để xử lý ổ dịch kịp thời, hạn chế tối đa số mắc, tử vong và tác hại của dịch. Hạn chế, tiến tới kiểm soát các yếu tố nguy cơ của các bệnh không lây nhiễm, các bệnh liên quan đến môi trường, lối sống, hành vi, an toàn vệ sinh thực phẩm, dinh dưỡng, bệnh học đường. Triển khai hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia ngành y tế.

- Phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng ở tất cả các tuyến. Phát triển y tế phổ cập, bác sĩ gia đình, coi trọng chăm sóc sức khỏe ban đầu, bao phủ y tế toàn dân kết hợp với phát triển y tế chuyên sâu. Tăng cường chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi, người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi. Phát triển y tế ngoài công lập, tăng cường phối hợp công - tư. Kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trong chăm sóc sức khỏe.

- Đảm bảo quy mô dân số ở mức ổn định, duy trì tỷ lệ sinh hàng năm ở mức hợp lý, khống chế tốc độ tăng tỷ số giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng dân số, đáp ứng đủ nhu cầu dịch vụ kế hoạch hoá gia đình của người dân, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ sức khỏe sinh sản có chất lượng, tăng cường lồng ghép các yếu tố dân số vào hoạch định chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp, các ngành.

- Phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng; tăng cường nhân lực y tế cho nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa và một số chuyên khoa (y tế dự phòng, lao, tâm thần, nhi...); chú trọng phát triển nhân lực y tế có trình độ cao; phấn đấu tiến tới đạt cơ cấu hợp lý giữa bác sĩ và điều dưỡng, kỹ thuật viên..., bảo đảm cân đối giữa đào tạo và sử dụng hiệu quả nhân lực y tế, coi trọng bồi dưỡng y đức.

- Đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính y tế theo hướng tăng đầu tư công cho y tế, phát triển bảo hiểm y tế (BHYT) toàn dân, giảm tỷ lệ chi trực tiếp từ hộ gia đình cho chăm sóc sức khỏe; phân bổ và sử dụng tài chính y tế hợp lý, hiệu quả.

- Bảo đảm cung ứng đủ thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, máu, chế phẩm máu có chất lượng, với giá cả hợp lý đáp ứng nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh của nhân dân; quản lý, sử dụng thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế hợp lý, an toàn và hiệu quả.

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng cho các cơ sở y tế đáp ứng nhu cầu sử dụng; bảo đảm trang thiết bị thiết yếu và từng bước đầu tư trang thiết bị hiện đại cho hệ thống y tế dự phòng, hệ thống khám chữa bệnh và phục hồi chức năng.

- Tăng cường năng lực quản lý và năng lực thực hiện chính sách y tế, đẩy mạnh cải cách hành chính, phát triển hệ thống thông tin y tế đáp ứng nhu cầu đổi mới và phát triển ngành y tế.

### 3. Các chỉ tiêu y tế cơ bản đến năm 2015 và năm 2020

TT	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2015	Năm 2020
	<b>Chỉ tiêu đầu vào</b>			
1	Số bác sĩ/10.000 dân	6,7	7,5	8
2	Số dược sĩ đại học/10.000 dân	0,33	1,5	2,0
3	Tỷ lệ thôn bản có nhân viên y tế hoạt động (%)	100	100	100
4	Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sĩ (%)	92,6	100	100
5	Tỷ lệ trạm y tế xã có nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản nhi (%)	100	100	100
6	Số giường bệnh viện/10.000 dân	17,1	20,5	25
	<i>Trong đó: Số giường bệnh viện ngoài công lập/10.000 dân</i>	<i>0,4</i>	<i>1,2 - 1,5</i>	<i>2,5 - 3,0</i>
	<b>Chỉ tiêu hoạt động</b>			
7	Tỷ lệ trẻ < 1 tuổi tiêm chủng đầy đủ (%)	99,2	≥ 98	≥ 98
8	Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2011-2020 (%)	Theo chuẩn cũ	70	100
9	Tỷ lệ dân số tham gia BHYT (%)	52,2	70	≥ 90
	<b>Chỉ tiêu đầu ra</b>			
10	Tỷ suất chết mẹ/100.000 trẻ đẻ sống	57	< 50	< 40
11	Tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi/1000 trẻ đẻ sống (%)	14	< 12	< 10
12	Tỷ suất chết trẻ em dưới 5 tuổi/1000 trẻ đẻ sống (%)	20	< 18	< 15
13	Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi (%) (cân nặng/tuổi)	19,5	< 15	< 10
14	Tỷ lệ trẻ sơ sinh cân nặng dưới 2500 gam (%)	< 5	< 4	< 4
15	Quy mô dân số (người)	1.567.557	1.650.000	1.715.000
16	Mức giảm tỷ lệ sinh hàng năm (%)	0,2	0,1 - 0,2	0,1 - 0,2
17	Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên (%)	1,13	1,10	1,10
18	Tỷ số giới tính khi sinh (số trẻ trai/100 trẻ gái)	120/100	120/100	120/100
19	Tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng (%)	< 0,3	< 0,3	< 0,3

#### **4. Mục tiêu định hướng đến năm 2030**

- Mạng lưới y tế cơ sở được củng cố vững chắc; y tế chuyên sâu phát triển đáp ứng cơ bản nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ của nhân dân trong tỉnh, giảm rõ rệt tình trạng chuyển tuyến.

- Kết hợp hài hoà giữa y tế công lập và y tế ngoài công lập, trong đó y tế công lập giữ vai trò nòng cốt. Nguồn tài chính cho y tế chủ yếu từ ngân sách nhà nước và bảo hiểm y tế. Kết hợp tốt y học hiện đại với y học cổ truyền dân tộc. Mở rộng mạng lưới bác sĩ gia đình để làm nhiệm vụ khám chữa bệnh và dự phòng bệnh ngay tại cộng đồng.

- Mọi người dân được sống trong cộng đồng an toàn, phát triển tốt về thể chất và tinh thần; nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, chất lượng dân số, đáp ứng yêu cầu nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

### **III. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

**1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền, huy động sự tham gia của toàn xã hội thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân.**

- Đưa công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân thành một nội dung quan trọng trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, cụ thể hoá thành những mục tiêu, chỉ tiêu cơ bản; hàng năm, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân, coi đó là một tiêu chuẩn quan trọng đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp.

- Nâng cao trách nhiệm và tăng cường sự phối hợp của các cấp, các ngành, đoàn thể nhân dân; đồng thời huy động các tổ chức kinh tế, xã hội tham gia tích cực thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân.

#### **2. Củng cố, phát triển hệ thống y tế.**

Tiếp tục củng cố, phát triển và hoàn thiện hệ thống y tế theo chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và Quy hoạch phát triển y tế Bắc Giang đến năm 2020 đã được ban hành tại Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 21/4/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.

2.1. Phát triển mạng lưới y tế dự phòng có đủ khả năng dự báo, giám sát, phát hiện và khống chế dịch bệnh, trọng tâm là: Xây dựng Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh đạt Chuẩn quốc gia trước năm 2015. Củng cố và phát triển các trung tâm y tế huyện/thành phố; từng bước hoàn thiện mô hình các đơn vị y tế cấp huyện phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

2.2. Phát triển mạng lưới khám, chữa bệnh, bảo đảm cho mọi người dân tiếp cận một cách thuận lợi với các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ có chất lượng, bao gồm cả các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập; bảo đảm sự phát triển cân đối, hợp lý giữa các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa, trọng tâm là:

- Mở rộng quy mô và phát triển theo hướng chuyên sâu các bệnh viện tuyến tỉnh. Đến năm 2020: Bệnh viện Đa khoa tỉnh có quy mô 800 giường bệnh,

Bệnh viện Sản Nhi 400 giường bệnh, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi 250 giường bệnh, Bệnh viện Tâm thần 200 giường bệnh, Bệnh viện Y học cổ truyền 200 giường bệnh, Bệnh viện Điều dưỡng và PHCN 250 giường bệnh.

- Chuẩn bị các điều kiện để phát triển Trung tâm Nội tiết thành Bệnh viện Nội tiết qui mô 100 giường bệnh trước năm 2015.

- Từng bước phát triển Trung tâm Mắt để chuẩn bị các điều kiện thành lập Bệnh viện Mắt trong giai đoạn 2016 - 2020.

- Phát triển và mở rộng quy mô các bệnh viện đa khoa huyện, thành phố từ 140 - 180 giường bệnh.

- Phát triển mạng lưới y tế ngoài công lập và y tế cơ quan, xí nghiệp trên địa bàn tỉnh, nhiệm vụ đặt ra đến năm 2020: Có 03 - 04 bệnh viện tư nhân với tổng số giường bệnh là 250-500 giường; trên 75% trường mầm non, trường THCS, THPT có ít nhất 01 cán bộ y tế học đường; trên 70% các doanh nghiệp có từ 200 đến dưới 500 công nhân có 1- 3 nhân viên y tế phục vụ, doanh nghiệp có từ 500 công nhân trở lên có trạm y tế tại doanh nghiệp.

- Phát triển hệ thống cấp cứu 115, các đội cấp cứu ngoại viện và dịch vụ bác sĩ gia đình.

2.3. Hoàn thiện mạng lưới y tế tuyến xã nhằm nâng cao khả năng tiếp cận của người dân đối với các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ ban đầu, có chất lượng, trọng tâm là:

- Tiếp tục thực hiện quản lý y tế tuyến xã theo mô hình Trung tâm y tế huyện, thành phố.

- Tích cực triển khai xây dựng xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2011-2020, trong đó đặc biệt quan tâm việc củng cố, phát triển để giữ vững được tiêu chí quốc gia về y tế xã sau khi được công nhận.

- Duy trì 100% thôn/bản có ít nhất 01 nhân viên y tế hoạt động.

2.4. Phát triển mạng lưới lưu thông, phân phối và cung ứng thuốc; chủ động cung ứng thường xuyên, đủ thuốc có chất lượng, giá cả hợp lý và ổn định thị trường thuốc phòng và chữa bệnh cho nhân dân.

2.5. Củng cố, hoàn thiện và phát triển Chi cục Dân số và KHHGD tỉnh, Trung tâm Dân số và KHHGD huyện/thành phố; kiện toàn đội ngũ viên chức dân số xã và cộng tác viên dân số ở thôn, bản.

### **3. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế**

- Tiếp tục thực hiện Đề án đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế Bắc Giang giai đoạn 2009 - 2015.

- Thực hiện đa dạng hoá phương thức, loại hình đào tạo; chú trọng đào tạo sau đại học về chuyên môn, kỹ thuật để nâng cao năng lực cán bộ y tế và phát triển kỹ thuật ở các cơ sở y tế tuyến tỉnh, huyện.

- Duy trì 100% trạm y tế có bác sĩ, có y sĩ sản nhi hoặc nữ hộ sinh, có cán bộ làm công tác YHCT.

- Tăng cường đào tạo nhân viên y tế thôn, bản, từng bước hướng tới mục tiêu hầu hết nhân viên y tế thôn, bản có trình độ sơ học và trung học.

- Thực hiện quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực y tế. Triển khai các giải pháp hiệu quả, phù hợp để tăng cường thu hút cán bộ y tế làm việc lâu dài tại miền núi, vùng sâu, vùng khó khăn.

#### **4. Đẩy mạnh công tác y tế dự phòng, an toàn vệ sinh thực phẩm**

- Chủ động thực hiện các biện pháp dự phòng tích cực, thực hiện quản lý, giám sát dịch chặt chẽ; khống chế và dập tắt kịp thời các bệnh dịch xảy ra, phản ứng nhanh để xử lý ổ dịch kịp thời, hạn chế tối đa số mắc, tử vong và tác hại của dịch. Phấn đấu giảm nhanh tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi; duy trì kết quả thanh toán bệnh phong và bại liệt; loại trừ uốn ván rốn sơ sinh; giảm số mắc và chết các bệnh truyền nhiễm.

- Tăng cường các hoạt động giám sát và kiểm soát các chất thải gây ô nhiễm môi trường; xử lý đúng quy trình các chất thải y tế và chất thải độc hại. Triển khai tích cực các biện pháp tiên tiến kiểm soát các yếu tố nguy cơ của các bệnh không lây nhiễm, các bệnh liên quan đến môi trường, lối sống, hành vi, như: Hút thuốc lá, lạm dụng rượu bia, tình dục không an toàn, chế độ ăn không hợp lý, ngộ độc thực phẩm...

- Triển khai tích cực các biện pháp kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm, thường xuyên thanh tra, kiểm tra liên ngành, chuyên ngành việc thực hiện quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh thực phẩm. Chú trọng nâng cao năng lực kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia, các Chiến lược quốc gia thuộc ngành y tế trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường phối hợp liên ngành trong phòng chống tai nạn, thương tích, tai nạn lao động, đuối nước, bệnh nghề nghiệp, phòng chống HIV/AIDS. Chủ động triển khai các giải pháp thích hợp để phòng và khắc phục nhanh hậu quả đối với sức khoẻ do thảm họa, thiên tai, biến đổi khí hậu, bạo lực gia đình...

#### **5. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng**

- Phát triển kỹ thuật ở tất cả các tuyến, bảo đảm thực hiện được hầu hết danh mục kỹ thuật theo phân tuyến của Bộ Y tế; các bệnh viện tuyến tỉnh có thể thực hiện được một số kỹ thuật vượt tuyến, từng bước giảm dần tỷ lệ chuyển tuyến trung ương.

- Kết hợp giữa y học hiện đại với y học cổ truyền để đạt hiệu quả tốt trong chẩn đoán và điều trị bệnh, đặc biệt là trong công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu, tại tuyến y tế cơ sở. Tiếp tục triển khai có hiệu quả chính sách quốc gia về y học cổ truyền; củng cố và phát triển các chuyên khoa của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh; nâng cao hiệu quả hoạt động của các khoa y học cổ truyền tại các bệnh viện đa khoa tỉnh, huyện và hoạt động khám, chữa bệnh y học cổ truyền tại tuyến xã.

- Tích cực thực hiện chăm sóc liên tục và toàn diện cho người bệnh; xây dựng chương trình bảo đảm và cải thiện chất lượng phục vụ người bệnh; nâng cao ý thức, kiện toàn cơ chế xử lý, phản hồi ý kiến, bảo vệ quyền lợi của người bệnh.

- Phát huy hiệu quả hoạt động của hội đồng thuốc và điều trị; tăng cường kiểm soát kê đơn, sử dụng thuốc, chỉ định xét nghiệm, chỉ định kỹ thuật nhằm hạn chế tối đa tình trạng lạm dụng thuốc và công nghệ y tế; thực hiện các biện pháp phòng ngừa và giảm tai biến, sai sót chuyên môn, bảo đảm an toàn tối đa cho người bệnh.

- Đa dạng hoá các loại hình dịch vụ như: Khám chữa bệnh theo yêu cầu, mô hình bác sỹ gia đình, trung tâm tư vấn sức khoẻ nhằm tạo điều kiện để người dân tiếp cận với các dịch vụ y tế.

- Nâng cao năng lực quản lý bệnh viện, bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực ở các bệnh viện; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện. Xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn quản lý chất lượng phù hợp đối với mỗi bệnh viện trong tỉnh; ban hành cơ chế quản lý, kiểm định và kiểm soát chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh.

- Nâng cao năng lực cán bộ để thực hiện tốt công tác giám định tư pháp (giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần) và giám định y khoa.

## **6. Triển khai hiệu quả công tác CSSK sinh sản, dân số - KHHGD**

- Tăng cường phổ biến, giáo dục chính sách pháp luật; cập nhật, cung cấp thông tin tới các cấp uỷ Đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội và những người có uy tín trong cộng đồng; song song với việc triển khai tích cực các hoạt động truyền thông, giáo dục phù hợp với từng nhóm đối tượng để huy động toàn xã hội tham gia vào công tác chăm sóc sức khoẻ sinh sản, dân số và KHHGD.

- Kiện toàn mạng lưới cung cấp dịch vụ theo phân tuyến kỹ thuật, đảm bảo cung cấp các gói dịch vụ dân số, chăm sóc sức khoẻ sinh sản thiết yếu ở tất cả các tuyến và bao phủ toàn tỉnh. Mở rộng cung cấp các dịch vụ tư vấn và khám sức khoẻ tiền hôn nhân, sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao chất lượng thu thập, xử lý thông tin chuyên ngành dân số, sức khoẻ sinh sản trên cơ sở áp dụng công nghệ thông tin; cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, số liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành ở các cấp.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra nhằm chấn chỉnh và xử lý những vi phạm chính sách pháp luật về dân số, sức khoẻ sinh sản và KHHGD.

## **7. Tăng cường quản lý thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế**

- Tăng cường quản lý chất lượng thuốc và sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, khuyến khích sử dụng thuốc sản xuất trong nước. Xây dựng labo kiểm nghiệm thuốc đạt tiêu chuẩn của Tổ chức y tế thế giới về thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc (GLP); các doanh nghiệp phân phối thuốc phải đạt tiêu chuẩn thực hành phân phối thuốc (GDP); các nhà thuốc phải đạt tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc (GPP).

- Tiếp tục thực hiện đấu thầu tập trung thuốc, vật tư y tế tiêu hao, sinh phẩm y tế nhằm thống nhất giá thuốc trên địa bàn, bảo đảm cung ứng kịp thời, đáp ứng nhu cầu sử dụng của các cơ sở y tế công lập. Quản lý chặt chẽ quy chế kê đơn, bán thuốc tại các cơ sở bán buôn, bán lẻ thuốc, bảo đảm sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.

## **8. Đổi mới cơ chế tài chính và đầu tư**

### **8.1. Đổi mới cơ chế tài chính trong công tác y tế**

- Tăng tỷ lệ chi ngân sách hàng năm cho y tế, bảo đảm tốc độ tăng chi cho y tế cao hơn tốc độ tăng chi bình quân chung của ngân sách địa phương, phần đầu tỷ lệ chi ngân sách y tế/tổng chi ngân sách địa phương bằng mức bình quân chung của cả nước. Dành ít nhất 30% ngân sách y tế cho lĩnh vực y tế dự phòng theo Nghị quyết số 18/2008/NQ-QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc hội. Bảo đảm đủ kinh phí cho hoạt động thường xuyên của trạm y tế xã, phường, thị trấn và phụ cấp cho nhân viên y tế thôn, bản. Đảm bảo đủ chi phí y tế cho đối tượng nghèo, người cận nghèo, người có công, trẻ em dưới 6 tuổi và các đối tượng chính sách xã hội khác.

- Tích cực thực hiện các biện pháp nhằm huy động vốn đầu tư, bao gồm cả ngân sách nhà nước, Trái phiếu Chính phủ, các nguồn vốn vay, viện trợ quốc tế, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và sự đóng góp của cộng đồng.

- Mở rộng quyền tự chủ về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ; gắn việc áp dụng quy định mức giá thù dịch vụ y tế mới với lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân, lộ trình cải cách tiền lương; thực hiện tính đúng, tính đủ chi phí dịch vụ, bảo đảm phù hợp với trình độ chuyên môn, chất lượng dịch vụ ở từng tuyến và khả năng chi trả của nhân dân; minh bạch giá dịch vụ y tế.

- Đẩy mạnh bảo hiểm y tế bắt buộc, bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên; tăng cường bảo hiểm y tế tự nguyện, xây dựng kế hoạch và lộ trình để thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân.

### **8.2. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của các cơ sở y tế**

#### **a) Giai đoạn 2013-2015:**

- Hoàn thành xây dựng mới, nâng cấp các BVĐK huyện, thành phố theo Quyết định số 225/QĐ-TTg và Quyết định số 47/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Nâng cấp, cải tạo Bệnh viện Đa khoa tỉnh tại vị trí hiện tại để đáp ứng mở rộng quy mô và phát triển kỹ thuật; đồng thời với việc tranh thủ các nguồn vốn đầu tư để tiếp tục thực hiện dự án xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh quy mô 800 giường bệnh ở vị trí mới.

- Hoàn thành dự án nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Lao và Bệnh phổi, Bệnh viện Tâm thần; dự án xây dựng Bệnh viện Sản Nhi quy mô 400 giường bệnh. Chủ động bố trí ngân sách của tỉnh, kết hợp với việc tích cực tranh thủ các nguồn lực đầu tư để triển khai xây mới 02 Trung tâm Y tế huyện: Tân Yên và Yên Dũng.

- Xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất một số trạm y tế xã, phường, thị trấn để đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2011-2020.

#### **b) Giai đoạn 2016-2020:**

- Tích cực tranh thủ các nguồn lực đầu tư để hoàn thành dự án xây dựng BVĐK tỉnh quy mô 800 giường bệnh; Bệnh viện Nội tiết; Trường Cao đẳng Y tế Bắc Giang.



- Hàng năm, tiếp tục chủ động bố trí ngân sách của tỉnh, kết hợp với việc tích cực tranh thủ các nguồn lực đầu tư để đảm bảo mỗi năm triển khai xây mới 02 Trung tâm Y tế huyện, thành phố.

- Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp và xây mới các Trung tâm Dân số - KHHGD các huyện, thành phố.

- Tiếp tục thực hiện xây dựng, nâng cấp các trạm y tế xã, phường, thị trấn để đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2011-2020.

### 8.3. Đầu tư trang thiết bị y tế

- Thực hiện đồng bộ việc đầu tư trang thiết bị gắn với đào tạo cán bộ để khai thác và sử dụng có hiệu quả trang thiết bị được đầu tư, tránh lãng phí.

- Thực hiện đầu tư đủ trang thiết bị thiết yếu và từng bước đầu tư trang thiết bị hiện đại cho hệ thống y tế dự phòng, hệ thống khám chữa bệnh và phục hồi chức năng của tuyến tỉnh, huyện.

- Từng bước đầu tư đủ trang thiết bị y tế thiết yếu cho tuyến xã trên cơ sở khả năng triển khai các hoạt động chuyên môn về chăm sóc sức khỏe ban đầu.

### 9. Phát triển hệ thống thông tin y tế

- Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin y tế ở các cấp và cơ chế chia sẻ, phân phối thông tin; nâng cao chất lượng thông tin y tế. Tăng cường khả năng tổng hợp, phân tích và xử lý số liệu, thông tin y tế phục vụ cho hoạch định chính sách, xây dựng kế hoạch, quản lý ngành y tế.

- Từng bước hiện đại hoá hệ thống thông tin y tế, ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với khả năng tài chính, kỹ thuật và nhu cầu sử dụng của từng tuyến; phát triển các phần mềm, xây dựng phương thức trao đổi thông tin, truyền tin, gửi báo cáo, số liệu qua trang điện tử.

### 10. Đẩy mạnh công tác truyền thông giáo dục sức khỏe

- Kiện toàn mạng lưới truyền thông giáo dục sức khỏe. Tăng cường đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực hoạt động và kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe cho các tuyến.

- Phát triển các mô hình truyền thông hiệu quả tại cộng đồng; mở rộng và đa dạng hoá các hoạt động truyền thông để nâng cao nhận thức của toàn xã hội với quan điểm "Sức khỏe cho mọi người" và "Mọi người vì sức khỏe".

- Chú trọng truyền thông để nhận thức, thay đổi hành vi về lối sống và các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe như hút thuốc lá, lạm dụng rượu bia, dinh dưỡng không hợp lý, sức khỏe sinh sản, tình dục không an toàn, sức khỏe học đường, dân số - kế hoạch hoá gia đình, rèn luyện thể dục - thể thao và các chính sách về y tế như lợi ích, quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế, giá dịch vụ y tế...

### 11. Phát triển khoa học công nghệ y tế

- Từng bước hiện đại hoá kỹ thuật y học chuyên môn sâu trong lĩnh vực phòng bệnh, khám chữa bệnh, kiểm nghiệm, giám định... Đầu tư thiết bị, công nghệ hiện đại trong chẩn đoán, điều trị bệnh, kiểm định, giám định vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường nước, không khí, đất.

- Ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý chất thải y tế, đảm bảo các bệnh viện đều phải có hệ thống xử lý nước thải và rác thải y tế; các trạm y tế xã tối thiểu phải có hệ thống xử lý chất thải rắn y tế.

- Ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong điều hành, quản lý ngành, quản lý bệnh viện, quản lý nhân sự, quản lý tài chính, quản lý trang thiết bị y tế...

## **12. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về y tế**

- Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chính sách y tế, kiểm tra và trợ giúp pháp lý cho các đơn vị ngành y tế nhằm thực thi tốt hệ thống chính sách, pháp luật đối với ngành y tế.

- Đổi mới toàn diện cơ chế quản lý, điều hành tại các đơn vị y tế trong ngành để phát huy tính năng động, sáng tạo của mỗi đơn vị. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực quản lý hoạt động chuyên môn, quản lý tài chính, đầu tư, công sản, trang thiết bị và nhân sự, trước hết cho lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo các khoa, phòng và các cán bộ tổ chức cán bộ, kế hoạch, tài chính.

- Tăng cường xây dựng chính sách dựa trên bằng chứng có sự tham gia rộng rãi của các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp và người dân. Thiết lập hệ thống theo dõi, giám sát và đánh giá tác động của chính sách, kế hoạch y tế.

- Áp dụng hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn cho các lĩnh vực của ngành y tế, nhất là quy chuẩn về chất lượng dịch vụ y tế. Tiếp tục thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính đối với các cơ sở y tế, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nhân dân trong việc tham gia các dịch vụ CSSK, đặc biệt chú ý cải tiến thủ tục khám, chữa bệnh cho đối tượng bảo hiểm y tế, người nghèo, đối tượng chính sách. Thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch trong quản lý tại các cơ sở y tế.

- Tăng cường hoạt động thanh tra y tế trong tất cả các lĩnh vực liên quan đến công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, chú trọng các hoạt động thanh tra về kinh doanh, phân phối thuốc, về khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập.

## **13. Triển khai mạnh mẽ xã hội hóa công tác y tế**

- Tiếp tục mở rộng xã hội hoá công tác y tế của tỉnh. Đẩy nhanh tốc độ bao phủ bảo hiểm y tế, tiến tới BHYT toàn dân; đồng thời nâng cao chất lượng phục vụ BHYT theo hướng đa dạng hoá.

- Tăng cường huy động cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường sống, loại bỏ các yếu tố nguy cơ có hại cho sức khỏe và thực hiện an toàn vệ sinh thực phẩm, vệ sinh cá nhân nhằm bảo vệ và nâng cao sức khỏe.

- Tranh thủ sự viện trợ của các tổ chức quốc tế, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực y tế.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Sở Y tế** chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan và UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030 của tỉnh; theo dõi, giám sát, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch và định kỳ hàng năm, 5 năm tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện.

**2. Sở Kế hoạch và Đầu tư** chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành có liên quan tham mưu với UBND tỉnh ban hành cơ chế chính sách nhằm huy động các nguồn lực đầu tư cho công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; đồng thời đưa các mục tiêu về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân vào kế hoạch phát triển KT-XH của tỉnh hàng năm và cả giai đoạn.

**3. Sở Tài chính** chủ trì, phối hợp với Sở Y tế để thực hiện việc cân đối, bố trí ngân sách đảm bảo cho thực hiện Kế hoạch; chú trọng việc đảm bảo nguồn chi ngân sách nhà nước cho y tế hàng năm đúng tinh thần theo Nghị quyết số 18/2008/NQ-QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc hội.

**4. Sở Nội vụ** phối hợp với Sở Y tế tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy y tế của tỉnh phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và bảo đảm hoạt động hiệu quả nhất phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

**5. Sở Giáo dục và Đào tạo** chủ trì, phối hợp với Sở Y tế để thực hiện các nội dung giáo dục về bảo vệ, chăm sóc sức khỏe trong nhà trường; kiện toàn hệ thống y tế trường học, bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác y tế trường học; triển khai các chương trình chăm sóc sức khỏe cho học sinh, sinh viên.

**6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội** chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan thực hiện chính sách an sinh xã hội, đảm bảo chính sách y tế cho các đối tượng dễ bị tổn thương (người nghèo, cận nghèo, người già, trẻ em dưới 6 tuổi, đối tượng bảo trợ xã hội...).

**7. Sở Khoa học và Công nghệ** chủ trì, phối hợp với Sở Y tế xây dựng, chỉ đạo thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, đặc biệt là những nghiên cứu về nâng cao chất lượng chăm sóc, phục vụ người bệnh.

**8. Sở Tài nguyên và Môi trường** chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan trong việc xây dựng chính sách, quy hoạch, kế hoạch phân bố dân cư, sử dụng đất, đặc biệt quan tâm bố trí quỹ đất cho các cơ sở y tế cả công lập và ngoài công lập; gắn việc khai thác tài nguyên với bảo vệ môi trường sinh thái; hạn chế tác hại của môi trường đối với sức khỏe cộng đồng.

**9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch** chủ trì phối hợp các sở, ban, ngành liên quan xây dựng, chỉ đạo tổ chức thực hiện chương trình vận động toàn dân luyện tập thể dục thể thao bảo vệ, nâng cao sức khỏe.

**10. Sở Thông tin và Truyền thông** chủ trì thực hiện và huy động các cơ quan truyền thông đại chúng tham gia các hoạt động cung cấp thông tin, tuyên truyền, giáo dục về các biện pháp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

**11. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn** chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

**12. Sở Công thương** chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

**13. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh** phối hợp với Sở Y tế thực hiện hiệu quả công tác kết hợp quân dân y trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân và bộ đội

trên địa bàn tỉnh góp phần củng cố an ninh, quốc phòng tại mỗi địa phương trên địa bàn tỉnh.

**14. Công an tỉnh** chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tăng cường đấu tranh, kiểm tra phát hiện và xử lý các cơ sở vi phạm pháp luật trong lĩnh vực dân số - KHHGD, pháp luật về khám chữa bệnh.

**15. Ban Dân tộc tỉnh** phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ đối với đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

**16. Các sở, ban, ngành, các cơ quan, tổ chức liên quan** căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị để xây dựng kế hoạch hoạt động lồng ghép nội dung bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân vào hoạt động của đơn vị; định kỳ thông tin, báo cáo về Sở Y tế để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

**17. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố** căn cứ Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân của tỉnh, chủ động xây dựng và triển khai Kế hoạch hành động của huyện, thành phố; bố trí đất cho phát triển cơ sở y tế công lập và ngoài công lập; cân đối đủ kinh phí đầu tư cơ sở vật chất và kinh phí hỗ trợ các chương trình, đề án. Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn căn cứ vào Kế hoạch bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân của tỉnh, huyện và điều kiện thực tế của địa phương, có trách nhiệm xây dựng và triển khai kế hoạch bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân của địa phương.

**18. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội** đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức và huy động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ; tham gia giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ nhân dân.

Định kỳ hàng năm và 5 năm, các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch này về Sở Y tế để tổng hợp báo cáo chủ tịch UBND tỉnh. Yêu cầu các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố nghiêm túc triển khai tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận: 

- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể nhân dân tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh:
  - + LĐVP, TH, KT, KTN, NC, TTTH-CB;
  - + Lưu: VX(3), VT.

KT. CHỦ TỊCH  
PHỤ CHỦ TỊCH  
  
Nguyễn Văn Linh